| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **18**/2026/DS-PT
Ngày: 15/01/2026
"V/v yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và chia di sản thừa kế"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Quốc Hà
*Các Thẩm phán:* 1. Bà Nguyễn Thị Thu Trang
2. Ông Nguyễn Duy Thuấn

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Hữu Giáp - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk***: Ông Phan Văn Công - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2025/TLPT-DS ngày 15/10/2025, về việc *"Yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và chia di sản thừa kế"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2025/DS-ST ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là khu vực 1 - Đắk Lắk) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 447/2025/QĐ-PT ngày 01/12/2025 và Quyết định hoãn phiên toà phúc thẩm số: 399/2025/QĐ - PT ngày 24/12/2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn C, xã E, thành phố B (N là phường T), tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1985. Địa chỉ: E đường A, Buôn K, xã E, thành phố B (N là phường T), tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*2. Bị đơn:* Bà Trịnh Thị G, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn A, xã E, thành phố B (N là phường T), tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1985. Địa chỉ: B Y, phường T, thành phố B (Nay là phường B), tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1974, có mặt.
- Ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1976, có mặt.

Cùng trú tại: Số nhà B đường Q, thôn A, xã E, thành phố B (N là phường T), tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1978, có mặt

- *Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng*: Ông Bùi Văn C, sinh năm 1985. Địa chỉ: E đường A, Buôn K, xã E, thành phố B (N là phường T), tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1982, vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Bích V1, sinh năm 1983, vắng mặt

- Bà Nguyễn Thị Bích N1, vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn A, xã E, thành phố B (N là phường T), tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền của: bà Nguyễn Thị Bích N1, bà Nguyễn Thị Bích T, ông Nguyễn Minh V và bà Nguyễn Thị Tuyết N: Bà Nguyễn Thị Minh P, có mặt.

- Văn phòng C2.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Bà Trần Đặng Miên T1. Địa chỉ: Số C - C N, thành phố B (Nay là phường B), tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

*4. Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L1.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L1 -Ông Bùi Văn C trình bày:***

Bà L là con ruột của ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1952, đã chết ngày 13/4/2018) và mẹ là bà Trịnh Thị G, sinh năm 1956. Khi chết ông Nguyễn Văn C1 không để lại di chúc.

Trong quá trình chung sống vợ chồng bố, mẹ bà L có tạo lập được các tài sản chung gồm:

1. Đất và căn nhà cấp III thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 18, diện tích 614m$^2$ ; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 000759, do UBND thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/06/1990 đứng tên ông Nguyễn Văn C1. Địa chỉ thửa đất tọa lạc tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 119, tờ bản đồ số 16, diện tích 8386.0m$^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 824 927, do UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/8/2010 đứng tên Hộ ông Nguyễn Văn C1 và bà Trịnh Thị G. Địa chỉ thửa đất tọa lạc tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Diện tích đất ao khoảng hơn 2.000m$^2$ tọa lạc tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. Đối với số tiền bán đất rẫy tại huyện E được 1.800.000.000 *đồng (Một tỷ tám trăm triệu đồng)*, sau khi trừ đi 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng)* gồm tiền vay nợ để đầu tư rẫy là 120.000.000 đồng; tiền sửa nhà 300.000.000 đồng; 80.000.000 đồng tiền làm thủ tục phân chia thừa kế, cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất, tách thửa, tặng cho các đồng sở hữu. Số tiền còn lại được chia cụ thể 1.300.000.000 đồng: 2 = 650.000.000 đồng/8 người = 81.250.000 đồng/1 người. *(Hiện toàn bộ số tiền trên bà Trịnh Thị G là người đang nắm giữ).*

Sau khi ông Nguyễn Văn C1 chết ngày 13/4/2018 không để lại di chúc. Ngày 15/01/2022 thì toàn thể gia đình bà L họp thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C1 và lập biên bản họp gia đình để phân chia tài sản thừa kế phần của ông Nguyễn Văn C1 chết để lại.

Nội dung Biên bản họp gia đình ngày 15/01/2022 thể hiện: Bà Trịnh Thị G được hưởng ½ = 50% toàn bộ giá trị tài sản; 50% giá trị tài sản của ông Nguyễn Văn C1 được chia đều cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật. Tạm thời giao toàn bộ tài sản cho bà Trịnh Thị G và ông Nguyễn Minh V trông coi, quản lý và sử dụng.

Theo thỏa thuận tại Biên bản họp gia đình ngày 15/01/2022 thể hiện *"Chúng tôi đồng ý ký tên tại Văn phòng C2 để bà G làm thủ tục thừa kế di sản của bà và chúng tôi, bà G có trách nhiệm đại diện thay chúng tôi nhận tài sản thừa kế (đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những thửa đất đã ghi ở trên) tiếp theo bà G sẽ làm thủ tục cấp đổi lại các thửa đất trên, tách thửa, cho tặng, tặng cho các đồng sở hữu, chuyển nhượng các lô đất ở E, nhận đầy đủ tiền bán đất thì chia cho các con theo thỏa thuận trên".*

Vào ngày 13/6/2022, theo như nội dung cam kết trong biên bản họp gia đình ngày 15/01/2022 gia đình bà L cùng ra Văn phòng C2. Địa chỉ: Số C N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để lập, ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế để cho bà Trịnh Thị G làm thủ tục cấp đổi và đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, sau khi bà Trịnh Thị G hoàn thiện thủ tục đại diện đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và nhận tiền bán đất rẫy tại huyện E về nhưng bà G không thực hiện theo cam kết của biên bản họp gia đình chia cho bà L mà luôn gây khó khăn và bà G cho rằng tài sản của bà nên bà không chia cho ai.

Vậy, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của mình và các thành viên khác trong gia đình, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1.Tuyên hủy 02 văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, số công chứng 15866 và 15867 ngày 13/6/2022 tại Văn phòng C2.

2. Chia ½ giá trị di sản của ông Nguyễn Văn C1 chết để lại cho hàng thừa kế theo quy định của pháp luật gồm: bà Trịnh Thị G; bà Nguyễn Thị Tuyết N; ông Nguyễn Minh V; bà Nguyễn Thị Kim L1; bà Nguyễn Thị Kim L; bà Nguyễn Thị Bích T; bà Nguyễn Thị Bích V1; bà Nguyễn Thị Bích N1, di sản yêu cầu chia gồm:

- Đất và căn nhà cấp III thuộc Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 18, diện tích 614m$^2$; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số A 000759, do UBND thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/06/1990 đứng tên ông Nguyễn Văn C1; Địa chỉ thửa đất tọa lạc tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 119, tờ bản đồ số 16, diện tích 8386.0m$^2$ ; Theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 824 927, do UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

cấp ngày 05/8/2010 đứng tên Hộ ông Nguyễn Văn C1 và bà Trịnh Thị G; Địa chỉ thửa đất tọa lạc tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Diện tích đất ao khoảng hơn 2.000m$^2$ tọa lạc tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Chia ½ số tiền bán đất rẫy tại huyện E còn lại: 1.300.000.000 đồng: 2 = 650.000.000 đồng/8 người = 81.250.000 đồng/1 người.

Quan điểm của bà L, bà L1 có nguyện vọng được quyền sử dụng đất và căn nhà cấp III thuộc thửa đất 33, tờ bản đồ 18 và diện tích đất ao tại xã E, thành phố B cho bà Trịnh Thị G và ông Nguyễn Minh V; Chia bằng hiện vật là đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 119, tờ bản đồ 16m theo giấy chứng nhân quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 824927 do UBND thành phố B cấp ngày 05/8/2010 cho hộ Nguyễn Văn C1 và Trịnh Thị G, tại xã E, thành phố B theo sơ đồ tạm chia của Công ty TNHH Đ đều cho 6 người con bà L, N, L1, T, V1, N1, mỗi người 1 phần.

**** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trịnh Thị G và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh V, bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị Bích N1, bà Nguyễn Thị Bích T - Bà Nguyễn Thị Minh P trình bày:***

Bà Trịnh Thị G có chồng là ông Nguyễn Văn C1, sinh năm: 1952, chết ngày 13/4/2018. Hai vợ chồng bà G sinh được tất cả 07 người con: Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Minh V, Nguyễn Thị Kim L1, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích V1, Nguyễn Thị Bích N1.

Quá trình chung sống ông C1 và G đã tần tảo vượt qua bao nhiêu gian khó khăn, gian khổ để nuôi được 07 người con trưởng thành và hai vợ chồng tự tạo lập được một số các tài sản sau:

1. Thửa đất thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 18, diện tích 614 m2, địa chỉ tại: xã E, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk theo giấy chứng nhận QSD đất số A000759, do UBND thị xã B cấp ngày 05/6/1990 mang tên ông Nguyễn Văn C1 (chồng tôi), tài sản gắn liền với thửa đất là một căn nhà cấp III và một cái ao với diện tích khoảng 2000 m2 nằm phía sau thửa đất số 33 (diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận).

2. Thửa đất số 119, tờ bản đồ 16, diện tích: 8386 m2, địa chỉ tại: xã E, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk theo giấy chứng nhận QSD đất số BB824927, do UBND thành phố B cấp ngày 05/6/1990

3. Thửa đất số 45,46, tờ bản đồ số 9, địa chỉ tại: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk, diện tích: diện tích 16.000 m2 theo giấy chứng nhận QSD đất số P050656, do UBND huyện E cấp ngày 07/3/2000

Đến năm 2018, ông C1 chết, trước khi chết ông C1 không để lại di chúc. Ban đầu do không am hiểu gì về pháp luật nên bà G và tất cả các người con có tên nêu trên tự lập một biên bản họp gia đình vào ngày 15/01/2022 để phân chia phần tài sản của ông C1 chết đi để lại, biên bản họp này có các con và bà G ký. Tuy nhiên, khoảng 1 tháng sau khi lập biên bản họp, các con của bà G tự họp lại với nhau hủy bỏ biên bản họp ngày 15/01/2022. Các con cho rằng tài sản trên là

của cha mẹ tự tạo lập, cha, mẹ đã rất vất vả để nuôi được các chị em khôn lớn mà trong khi mẹ đang còn sống nên các con tự thống nhất với nhau là tặng cho các phần mà mình được hưởng thừa kế từ cha cho mẹ để mẹ được toàn quyền định đoạt, việc phân chia này phải lập thành văn bản và phải được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận và sang tên đúng theo quy định của pháp luật để sau này bà G muốn thực hiện các giao dịch gì liên quan đến các thửa đất trên thì bà G toàn quyền. Trong quá trình bà G còn sống bà muốn cho tài sản cho ai tài sản nào thì cho, chuyển nhượng, mua bán gì thì bà G tự quyết định. Khi bà G mất mà tài sản còn thì các con sẽ tự chia với nhau.

Đến ngày 13/6/2022, bà G và các người con tự nguyện đến Văn phòng C2 ký vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Đồng ý cho tặng hết toàn bộ tài sản nói trên cho mẹ là bà G để bà G toàn quyền quản lý, sử dụng và định đoạt. Ngay khi văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được chứng nhận thì bà G đã thực hiện sang tên cho bà G theo quy định của pháp luật.

Đến nay, bà Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số công chứng 15866 và 15867 ngày 13/6/2022 vì cho rằng bà G không căn cứ vào biên bản họp ngày 15/01/2022 để phân chia lại tài sản là hoàn toàn không có căn cứ. Bởi biên bản họp ngày 15/01/2022 đã được hủy trước khi ký vào Văn bản phân chia di sản thừa kế. Tại thời điểm ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế bà L là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, được công chứng viên giải thích rất rõ ràng về những nội dung của các văn bản phân chia di sản thừa kế, bà L cũng tự mình đọc văn bản, tự mình ký vào văn bản. Hơn nữa, việc con kiện mẹ ruột của mình để yêu cầu mẹ mình chia tài sản mà do chính cha, mẹ mình tạo ra bằng mồ hôi, xương máu để nuôi mình khôn lớn thì thật là trái với luân thường đạo lý làm con.

Nay với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu khởi kiện chia phần diện tích đất ao thì phía bị đơn xác nhận đây là di sản thừa kế chưa chia của ông C1 để lại, những người thừa kế của ông C1 bao gồm ông V, bà T, bà N và bà N1 đồng ý nhận và tặng cho lại bà Trịnh Thị G.

**** Người làm chứng Bà Lê Thị T2 trình bày:*** Bà T2 có mối quan hệ quen biết với gia đình bà G thường trú tại thôn A, xã E. Ngày 15/01/2022 gia đình bà G có họp gia đình và mời bà đến tham gia cuộc họp. Cuộc họp để bàn về vấn đề thừa kế tài sản do ông C1 chồng bà G chết để lại. Sau khi họp xong, bà G có nhờ bà T2 soạn thảo cho gia đình bà bản thỏa thuận thừa kế. Bà T2 đã soạn và thuê người đánh máy thành 08 bản giống nhau rồi đưa cho bà G để bà G đưa cho các con ký. Sau khi các con tập trung ký vào biên bản thỏa thuận, nhưng các con của bà G bắt ghi vào biên bản thỏa thuận bổ sung phía sau thì bà G gọi cháu N1 con út của bà ghi thêm ở bàn uống nước cạnh số nhà C Văn phòng C2. Nội dung trong văn bản họp ngày 15/01/2022 đánh máy mà Tòa án cho bà tiếp cận đúng là nội dung mà gia đình bà G nhờ bà T2 soạn thảo.

Bà T2 không liên quan trong vụ án nên từ chối tham gia tố tụng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật

**** Đại diện văn phòng C2 - Bà Trần Đặng Miên T1 trình bày:***

Ngày 28/5/2022 bà Trịnh Thị G và các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1952, chết ngày 13/4/2018 đến Văn phòng C2 để yêu cầu công chứng *"Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế"* để phân chia di sản thừa kế là các quyền sử dụng đất sau:

+ Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 000759 do UBND thị xã B, tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 05/6/1990. (thửa đất số 33, tờ bản đồ số 18; diện tích 614m2) địa chỉ thửa đất tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 824927, do UBND thành phố B, tỉnh Đăk Lăk cấp ngày 05/8/2010 (thửa đất số 119, tờ bản đồ số 16; diện tích 8386m$^2$);địa chỉ thửa đất tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi thực hiện thủ tục niêm yết, ngày 13/6/2022 các đồng thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Văn C1 đã thực hiện ký Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Công chứng viên Văn phòng C2 đã kiểm tra hồ sơ, giải thích rõ cho các bên về quyền và nghĩa vụ của mình khi tiền hành ký Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Khi ký Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, các đồng thừa kể hoàn toàn tự nguyện, đã đọc và đồng ý toàn bộ nội dung của Văn bản, cam kết không bỏ sót người thừa kế và đã ký tên vào Văn bản thỏả thuận trước mặt công chứng viên. Tại thời điểm công chứng, các bên ký kết văn bản có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị Kim P1 là công chứng viên của Văn phòng C2 đã ký công chứng "Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế" nói trên là đúng thẩm quyền và theo đúng trình tự thủ tục. Việc các đồng thừa kế có thỏa thuận riêng với nhau không thông báo cho Văn phòng C2 nên Văn phòng công chứng không biết.

Xét thấy việc Văn phòng C2 ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C1 là phù hợp theo quy định của pháp luật. Việc bà Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số công chứng 15866 quyển số 06/2022 TP/CC–SCC/HĐGD và 15867 quyển số 06/2022 TP/CC–SCC/HĐGD công chứng tại Văn phòng C2 ngày 13/6/2022 Văn phòng C2 không đồng ý.

Đối với các yêu cầu còn lại của bà Nguyễn Thị Kim L chúng tôi không liên quan và không có ý kiến gì, đề nghị Quý Tòa xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2025/DS-ST ngày 30/5/2025 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là Toà án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk) quyết định:**

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 609, 612, 613, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 656, Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 4 Điều 57 Luật Công chứng

Căn cứ: khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

**Tuyên xử :**

**1.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên hủy 02 văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số công chứng 15867 quyển số 06/2022/TP/CC-SCC/HĐGD và số 15866 quyển số 06/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/6/2022 tại Văn phòng C2.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế đối với: Đất và tài sản trên đất thuộc Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 18, diện tích 614m$^2$; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số A 000759, do UBND thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/06/1990 đứng tên ông Nguyễn Văn C1; Đất trồng cây lâu năm thuộc Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 16, diện tích 8386.0m$^2$ theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 824 927, do UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/8/2010 đứng tên Hộ ông Nguyễn Văn C1 và bà Trịnh Thị G; Và ½ số tiền bán đất rẫy tại huyện E.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L về yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần diện tích đất ao nuôi trồng thủy sản thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 57, diện tích 1.507,3m$^2$, tọa lạc tại số nhà B, quốc lộ A, xã E, thành phố B.

- Công nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C1 để lại gồm: ½ diện tích đất ao nuôi trồng thủy sản thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 57, diện tích 1.507,3m$^2$, tọa lạc tại số nhà B, quốc lộ A, xã E, thành phố B.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn C1 gồm: Bà Trịnh Thị G, bà Nguyễn Thị Tuyết N, ông Nguyễn Minh V, bà Nguyễn Thị Kim L1, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích V1 và Nguyễn Thị Bích N1.

- Ghi nhận sự tự nguyện tặng cho quyền hưởng di sản của bà Nguyễn Thị Tuyết N, ông Nguyễn Minh V, bà Nguyễn Thị Bích T và bà Nguyễn Thị Bích N1 cho bà Trịnh Thị G.

- Công nhận và giao cho bà Trịnh Thị G trực tiếp quản lý và sử dụng quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất ao nuôi trồng thủy sản thuộc Thửa đất 11, tờ bản đồ 57, diện tích 1.507,3m$^2$, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Theo sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất của công ty TNHH Đ ngày 03/12/2024).

- Buộc bà Trịnh Thị G có trách nhiệm thanh toán giá trị phần thừa kế được hưởng lại cho bà Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim L1 và Nguyễn Thị Bích V1, mỗi người là 53.723.000 đồng.

Ngày 05/6/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và kháng cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, thì có đủ căn cứ xác định văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/06/2022 được công chứng tại Văn phòng C2 việc lập và ký văn bản là hoàn toàn tự nguyện, được thực hiện đúng trình tự thủ tục, thẩm quyền nên có hiệu lực pháp luật nên không có cơ sở để huỷ 02 văn bản phân chia di sản thừa kế đối với đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 18, diện tích 614m$^2$; Đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 119, tờ bản đồ số 16, diện tích 8386.0m$^2$ và ½ số tiền bán đất rẫy tại huyện E và việc chia di sản bằng giá trị cho các đồng thừa kế bà Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim L1 là đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim L1 - Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, ý kiến của Kiểm sát viên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L và bà Nguyễn Thị Kim L1 làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

Đối với ý kiến của người đại diện tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Bùi Văn C đề nghị hoãn phiên toà để triệu tập thêm người làm chứng bà Lê Thị T2. Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã tiến hành lấy lời khai của bà T2 và bà từ chối tham gia tố tụng nếu cần thiết thì Hội đồng xét xử sẽ công bố lời khai của bà nên yêu cầu hoãn phiên toà không có căn cứ để chấp nhận.

Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và phiên tòa được mở lại lần thứ 2, các đương sự đã được tống đạt giấy báo phiên tòa hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự này theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Trịnh Thị G và ông Nguyễn Văn C1 là vợ, chồng đến ngày 13/4/2018 ông C1 chết trước không để lại di chúc các tài sản sau: Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 18, diện tích 614m$^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 000759, do UBND thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/06/1990 cho ông Nguyễn Văn C1 và thửa đất số 119, tờ bản đồ số 16, diện tích 8386.0m$^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 824 927,do UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/8/2010 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn C1 và bà Trịnh Thị G cùng tọa lạc tại xã E, thành phố B (nay là phường T) tỉnh Đắk Lắk; Thửa đất số 45, 46 tờ bản đồ số 9, diện tích 16.000 m2 theo giấy chứng nhận QSD đất số P050656, do UBND huyện E cấp ngày 07/3/2000 toạ lạc tại thôn A, xã E, huyện E (N là xã E), tỉnh Đắk Lắk và diện tích đất ao khoảng hơn 2.000m$^2$ tọa lạc tại xã E, thành phố B (Nay là phường T) tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 15/01/2022, toàn thể gia đình họp thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C1 lập biên bản họp gia đình để phân chia tài sản thừa kế, đến ngày 13/6/2022 cùng ra Văn phòng C2 để lập, ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế 03 thửa đất nói trên với nội dung: *"Các ông, bà Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Minh V, Nguyễn Thị Kim L1, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Bích T, Nguyễn Thị Bích V1, và Nguyễn Thị Bích N1 đồng ý tặng cho phần quyền sử dụng đất của mình và phần mà mỗi người được hưởng trong khối di sản thừa kế do ông C1 chết đi để lại cho bà Trịnh Thị G và bà G đồng ý nhận các phần quyền sử dụng đất được tặng cho nêu trên gộp với phần quyền sử dụng đất mà mình được hưởng thừa kế và phần quyền sử dụng đất thuộc phần tài sản của mình để được quyền sử dụng toàn bộ đối với quyền sử dụng đất nói trên…"* được công chứng số 15865, 15866 và 15867 quyển số 06/2022/TP/CC-SCC/HĐGD.

[2.1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim L1 về việc tuyên hủy các văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế công chứng số: 15866 và 15867 ngày 13/6/2022 tại Văn phòng C2 đối với đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 18, diện tích 614m$^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 000759, do UBND thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/06/1990 đứng tên ông Nguyễn Văn C1 và Đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 119, tờ bản đồ số 16, diện tích 8386.0m$^2$ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 824 927, do UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/8/2010 đứng tên Hộ ông Nguyễn Văn C1 và bà Trịnh Thị G, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc lập, ký văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế lập là hoàn toàn tự nguyện, được công chứng đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và quy định pháp luật. Đảm bảo quyền tự thỏa thuận,

định đoạt và quyết định của các bên để có cơ sở thực hiện việc phân chia di sản thừa kế để bà G mới có cơ sở và thực hiện thủ tục xin cấp GCNQSD đất đối với toàn bộ diện tích đất gồm thửa đất số 33, tờ bản đồ số 18, diện tích 614m$^2$ và thửa đất số 119, tờ bản đồ số 16, diện tích 8386m$^2$, cũng như phần diện tích đất rẫy tại huyện E. Sau đó, bà G cũng đã tự nguyện tặng cho và tách một phần GCNQSD đất cho các chị T, anh V và phần còn lại bà G đang trực tiếp quản lý sử dụng đúng như nội dung văn bản thoả thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên bản án sơ thẩm tuyên hông chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên hủy 02 văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và phân chia di sản thừa kế đối với hai thửa đất cùng tọa lạc tại xã E, thành phố B (nay là phường T) tỉnh Đắk Lắk là đúng quy định pháp luật nên kháng cáo của bà L và L1 là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với kháng cáo của bà L và L1 yêu cầu phân chia di sản thừa kế ½ số tiền bán đất rẫy tại huyện E còn lại cho các đồng thừa kế thì thấy: tại bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/06/2022 được công chứng tại Văn phòng C2, số công chứng 15865 quyển số 03/2022/TP/CC-SCC/HĐGD có hiệu lực pháp luật. Di sản thừa kế của ông C1 chết để lại đã được thỏa thuận phân chia trong văn bản thỏa thuận này theo đúng quy định của pháp luật, do đó kháng cáo không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với kháng cáo của bà L và L1 yêu cầu phân chia di sản thừa kế đối với diện tích đất ao khoảng hơn 2.000m$^2$ tọa lạc tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, hiện do bà G đang quản lý sử dụng. Các bên đều thừa nhận phần diện tích đất ao này là diện tích khai hoang của gia đình. Phần diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa được thỏa thuận phân chia nên cần xem xét xác định đây là di sản thừa kế chưa được chia của ông Nguyễn Văn C1, chia đều cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật. Bà Trịnh Thị G được hưởng ½ khối di sản; ½ di sản của ông C1 chia đều cho 8 người thừa kế. Tương ứng 1 phần (859.561.942 đồng: 2): 8 = 53.723.000 đồng (làm tròn). Bà N, ông V, bà T, bà N1 đồng ý nhận và tự nguyện tặng cho toàn bộ phần di sản được hưởng cho bà G nhận quản lý sử dụng. Bà G được 5/8 phần nên cần cần giao phần diện tích đất ao thuộc thửa đất 11, tờ bản đồ 57, diện tích 1.507,3m$^2$ cho bà G nhận quản lý sử dụng, bà G có trách nhiệm thanh toán lại giá trị cho bà Nguyễn Thị Kim L1, Nguyễn Thị Kim L và bà Nguyễn Thị Bích V1, mỗi người được hưởng 1 phần là 53.723.000 đồng là phù hợp.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim L1 là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim L1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 609, 612, 613, khoản 1 Điều 623, Điều 649, Điều 656, Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L, bà Nguyễn Thị Kim L1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2025/DS-ST ngày 30/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột (Nay là khu vực 1 - Đắk Lắk).

**Tuyên xử :**

[1.1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên hủy 02 văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số công chứng 15867 quyển số 06/2022/TP/CC–SCC/HĐGD và số 15866 quyển số 06/2022/TP/CC–SCC/HĐGD ngày 13/6/2022 tại văn phòng C2.

[1.2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu phân chia di sản thừa kế đối với: Đất và tài sản trên đất thuộc Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 18, diện tích 614m$^2$; theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số A 000759, do UBND thị xã B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/06/1990 đứng tên ông Nguyễn Văn C1; Đất trồng cây lâu năm thuộc Thửa đất số 119, tờ bản đồ số 16, diện tích 8386.0m$^2$ theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 824 927, do UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 05/8/2010 đứng tên Hộ ông Nguyễn Văn C1 và bà Trịnh Thị G Và di sản thừa kế đối với ½ số tiền bán đất rẫy tại huyện E.

[1.3] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L về yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần diện tích đất ao nuôi trồng thủy sản thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 57, diện tích 1.507,3m$^2$, tọa lạc tại số nhà B, quốc lộ A, xã E, thành phố B. Công nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn C1 để lại gồm: ½ diện tích đất ao nuôi trồng thủy sản thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 57, diện tích 1.507,3m$^2$, tọa lạc tại số nhà B, quốc lộ A, xã E, thành phố B.

Giao cho bà Trịnh Thị G trực tiếp quản lý và sử dụng quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất ao nuôi trồng thủy sản thuộc thửa đất 11, tờ bản đồ 57, diện tích 1.507,3m$^2$, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Theo sơ đồ trích đo hiện trạng thửa đất của công ty TNHH Đ ngày 03/12/2024).

Bà Trịnh Thị G có trách nhiệm thanh toán giá trị phần thừa kế được hưởng lại cho bà Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị Kim L1 và Nguyễn Thị Bích V1, mỗi người là 53.723.000 đồng.

[2] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, chi phí đo đạc là 32.199.000 đồng.

Bị đơn bà Trịnh Thị G phải chịu 5.000.000 đồng chi phí tố tụng.

Bà Nguyễn Thị Kim L1, Nguyễn Thị Bích V1 mỗi người phải chịu 1.000.000 đồng chi phí tố tụng.

Bà Nguyễn Thị Kim L được nhận lại số tiền 5.000.000 đồng từ bà Trịnh Thị G và nhận lại của bà Nguyễn Thị Kim L1, bà Nguyễn Thị Bích V1 mỗi người 1.000.000 đồng. Bà L phải chịu 25.199.000 đồng chi phí tố tụng (đã thẩm định và chi phí xong)

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Thị G là người trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trịnh Thị G.

Bà Nguyễn Thị Kim L1 và Nguyễn Thị Bích V1 mỗi người phải chịu 2.686.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia.

Bà Nguyễn Thị Kim L, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.286.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 16.931.000 đồng tạm ứng án phí do Bùi Văn C nộp thay Nguyễn Thị Kim L theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2023/0013165 ngày 09/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Sau khi khấu trừ bà Nguyễn Thị Kim L được nhận lại số tiền 13.645.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L và bà Nguyễn Thị Kim L1, mỗi người phải chịu 300,000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Hoài P2 đã nộp thay theo biên lai thu số AA/2023/0011178 ngày 17/6/2025 và số AA/2023/0011179 ngày 17/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Đắk Lắk).

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Toà phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

- Viện phúc thẩm VKSNDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 1 Đắk Lắk;
- Phòng THADS 1 Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu.

**Bùi Quốc Hà**